

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ, du lịch sinh thái Cửa Đáy (thuộc khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2015 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ văn bản số 5377/BXD-QHKT ngày 24/12/2021 của Bộ Xây dựng cho ý kiến về đồ án Quy hoạch phân khu chức năng đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái cửa Đáy;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định đến năm 2040;

Căn cứ văn bản số 652/UBND-VP5 ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc về việc đồng ý chủ trương lập Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực chức năng đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái Cửa Đáy;

Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực chức năng đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái Cửa Đáy (thuộc khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định);

Xét văn bản số 188/SXD-QH ngày 30/12/2021 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực chức năng đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái Cửa Đáy;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 159/TTr-SXD ngày 31/12/2021 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ, du lịch sinh thái Cửa Đáy (thuộc khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định), với nội dung sau:

I. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ:

1. Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất (QH-01);
2. Bản đồ hiện trạng tổng hợp (QH-02);
3. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH-03);
4. Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (QH-04);
5. Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (QH-05);
6. Bản đồ quy hoạch cấp điện và hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (QH-06);
7. Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH-07);
8. Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường (QH-08);
9. Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa (QH-09);
10. Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật (QH-10);
11. Bản vẽ định hướng, quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan (QH-11);
12. Bản vẽ đánh giá môi trường chiến lược (QH-12).

II. NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh tên đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực chức năng đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch sinh thái cửa Đáy (thuộc khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định) thành Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ, du lịch sinh thái cửa Đáy (thuộc khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định).

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác của tỉnh Nam Định; đồng thời tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển bền vững.

- Làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng, lập quy hoạch chi tiết, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch phân khu chức năng được duyệt.

3. Phạm vi, ranh giới, quy mô, tính chất khu vực lập quy hoạch

3.1. Vị trí, ranh giới

- Phạm vi lập quy hoạch bao gồm: Phân khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ (Phân khu I) và Phân khu du lịch sinh thái Cửa Đáy (Phân khu III) thuộc khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông, tỉnh Nam Định.

- Ranh giới quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp đô thị Rạng Đông;
- + Phía Nam giáp khu sinh thái rừng ngập mặn;
- + Phía Đông giáp phân khu đô thị, dịch vụ thương mại tổng hợp;
- + Phía Tây giáp sông Đáy.

3.2. Quy mô

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 961,4 ha.

- Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2030, tại khu vực có nguồn dân cư cơ bản gồm: Công nhân, cán bộ, chuyên gia làm việc tại các cơ sở kinh tế, kèm theo đó là một lượng lao động phục vụ và nhân khẩu phụ thuộc. Tổng dân số phát sinh do nhu cầu sản xuất kinh doanh được dự báo là 45.815 người với 381,79 ha đất công nghiệp (trong đó: Tiêu chuẩn lao động cơ bản 120 người/ha; lượng lao động dịch vụ chiếm khoảng 12%, lực lượng chuyên gia, hệ thống quản trị trong các cơ sở sản xuất kinh doanh và dân số lệ thuộc theo thành phần này chiếm khoảng 20%).

3.3. Tính chất phát triển

- Là khu chức năng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực theo hướng trọng tâm và chuyên sâu về công nghiệp; có hệ thống hạ tầng đồng bộ và môi trường phát triển bền vững.

- Là trung tâm kinh tế biển của tỉnh Nam Định và của cả nước; phát triển năng động, có môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

4. Định hướng phát triển không gian

4.1. Ý tưởng tổng thể

Khu vực quy hoạch được kết nối mọi mặt với các khu chức năng khác, đô thị Rạng Đông. Trong đó về giao thông sẽ kết nối bằng đường trục kinh tế, TL490C, đường Rạng Đông, đường đê sông Đáy và các tuyến đường biển, đường sông.

(1) Khu vực trong đê

Tổ chức không gian khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ. Đây là mô hình cung cấp cơ bản đầy đủ các dịch vụ cho sản xuất gồm có: Khu sản xuất, khu điều hành, khu dịch vụ công nghiệp, cung ứng vận tải đường bộ, phát triển chọn lọc một số điểm nhà ở cho chuyên gia, cán bộ công nhân viên; phát triển cây xanh sinh thái. công viên, hồ điều hòa.

(2) Khu vực ngoài đô

Cải tạo hạ tầng khu bãi trũng thành một khu nuôi trồng thủy sản gắn với du lịch, hồ sinh thái, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho khu đất. Lấy nước hồ làm gốc, kết nối không gian xanh và mặt nước, tạo khung cấu trúc phát triển bền vững. Hệ thống mặt nước hồ vừa có giá trị là hồ nước ngọt, tạo cảnh quan, vừa điều hòa thoát nước mưa.

(3) Về đề điều phòng chống bão, triều cường

Trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo cần nghiên cứu củng cố xây dựng nâng cấp, cải tạo tuyến đê bảo vệ khu vực quy hoạch, đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai, bão lũ.

4.2. Cấu trúc phát triển không gian

4.2.1. Khu vực chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ (Phân khu I)

- Khai thác vùng đất trong đê có bề mặt nền khá bền vững, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh theo chiến lược chung. Toàn bộ phân khu này cơ bản được bố trí đất công nghiệp theo quy hoạch chung và quy hoạch hệ thống công nghiệp của tỉnh Nam Định. Hướng tới trở thành khu vực tạo động lực phát triển khu kinh tế Ninh Cơ.

- Diện tích xây dựng phân khu: 808,4ha. Phía Bắc giáp đô thị Rạng Đông, phía Nam giáp khu sinh thái rừng ngập mặn, phía Đông giáp khu dịch vụ phía Tây Bắc; phía Tây giáp khu du lịch sinh thái cửa Đáy (phân khu III).

- Các khu chức năng chính được định hướng gồm có: Khu công trình sản xuất, công nghiệp, khu cây xanh, hồ điều hòa, khu nhà ở công nhân và chuyên gia, khu kho vận, công trình dịch vụ công cộng, khu hạ tầng kỹ thuật. Đối với khu đất quân sự xây dựng đồn biên phòng Ngọc Lâm, quy hoạch 5ha theo hiện trạng đang quản lý sử dụng.

4.2.2. Khu vực chức năng du lịch sinh thái Cửa Đáy (Phân khu III)

Khu dịch vụ sinh thái được quy hoạch trên cơ sở vùng bãi sông Đáy nhằm khai thác các giá trị sinh thái tự nhiên. Tại đây các khu vực nuôi trồng thủy sản được phát triển mạnh mẽ theo hướng công nghệ hóa gắn với du lịch, dịch vụ sinh thái có diện tích là 153ha, phía Đông Bắc giáp khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ (phân khu I), phía Tây Nam giáp sông Đáy. Các khu chức năng chính gồm khu nuôi trồng thủy sản, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, khu hồ nước sinh thái, điều hòa và khu cây xanh sinh thái chuyên đề nhằm phục vụ cho khu vực quy hoạch nói riêng và đô thị Rạng Đông nói chung.

5. Phân khu chức năng

5.1. Quy hoạch phân khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ, du lịch sinh thái bao gồm các chức năng:

- Khu đất có ký hiệu DV (ký hiệu DV-1) quy hoạch là đất trung tâm thương mại, đô thị, dịch vụ hỗn hợp: Mật độ xây dựng tối đa: 50%. Tầng cao tối đa: 10 tầng.

- Khu đất có ký hiệu DO quy hoạch là đất ở đô thị sinh thái: Mật độ xây dựng tối đa: 50%. Tầng cao tối đa: 10 tầng.

- Khu đất có ký hiệu OCN quy hoạch là đất ở công nhân, chuyên gia: Mật độ xây dựng tối đa: 50%. Tầng cao tối đa: 10 tầng.

- Khu đất có ký hiệu CX (ký hiệu CX-1 đến CX-10) quy hoạch là đất công viên, cây xanh để tạo cảnh quan, môi trường sinh thái cho khu quy hoạch.

- Khu đất có ký hiệu TDN quy hoạch là đất phục vụ cho thể dục thể thao, vui chơi giải trí. Mật độ xây dựng tối đa: 50%. Tầng cao tối đa: 3 tầng.

- Khu đất có ký hiệu CN (ký hiệu từ CN-1 đến CN-4) quy hoạch là đất công nghiệp xây dựng các nhà máy công nghiệp, dịch vụ công nghiệp. Mật độ xây dựng tối đa: 70%. Tầng cao tối đa: 5 tầng. Chiều cao tối đa dưới 45m.

Một số hạng mục công trình đặc thù có chiều cao từ 45m trở lên so với mặt đất tự nhiên thì có văn bản lấy ý kiến của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam để thống nhất bề mặt quản lý độ cao công trình theo quy định.

- Khu đất có ký hiệu HT (ký hiệu từ HT-1 đến HT-7) quy hoạch là đất hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hạ tầng giao thông, bến bãi. Mật độ xây dựng tối đa: 60%. Tầng cao tối đa: 3 tầng.

- Khu đất có ký hiệu KT (ký hiệu KT-1) quy hoạch là đất kho bãi, kho tàng: Mật độ xây dựng tối đa: 70%. Tầng cao tối đa: 5 tầng.

- Khu đất có ký hiệu MN (ký hiệu từ MN-1 đến MN-4) quy hoạch là mặt nước hồ. Xây dựng các hồ điều hòa trong khu quy hoạch có tổng diện tích khoảng 100ha, có nhiệm vụ trữ nước, điều hòa không khí, tạo cảnh quan môi trường sinh thái cho khu vực quy hoạch.

- Khu đất có ký hiệu TS quy hoạch là nuôi trồng thủy sản kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái khu vực cửa Đáy.

- Khu đất có ký hiệu QS quy hoạch là đất quân sự, quốc phòng: Mật độ xây dựng tối đa: 50%. Bao gồm 3 khu vực là khu QS-1, QS-2 và QS-3.

5.2. Quy hoạch khu quân sự, an ninh quốc phòng

- Khu đất có ký hiệu QS quy hoạch là đất quân sự, quốc phòng. Mật độ xây dựng tối đa: 50%.

Các khu đất quân sự, an ninh quốc phòng được bố trí đảm bảo theo quy định và quy hoạch chung đã được phê duyệt, bao gồm:

- + Quy hoạch khu đất quân sự (có ký hiệu QS-1) xây dựng đồn biên phòng Ngọc Lâm, tại phía Bắc khu đất lập quy hoạch theo quy hoạch sử dụng đất của huyện Nghĩa Hưng đã được duyệt với diện tích 5ha.

+ Quy hoạch khu đất quân sự (có ký hiệu QS-2) là khu đất quân sự với diện tích 2,1ha (Thao trường huấn luyện/Ban CHQS huyện Nghĩa Hưng/Bộ CHQS tỉnh).

- Quy hoạch 01 vị trí đất Quốc phòng (có ký hiệu QS-3) để xây dựng Trạm kiểm soát Biên phòng Ngọc Lâm, thuộc đồn Biên phòng Ngọc Lâm, diện tích 1ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp sử dụng đất

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
	Tổng	961,4	100%
1	Đất đô thị - dịch vụ - hỗn hợp	23,62	2,46%
2	Đất ở đô thị sinh thái	38,9	4,05%
3	Đất ở công nhân, chuyên gia	6,77	0,70%
4	Đất công viên, cây xanh	72,69	7,56%
5	Đất trường đua ngựa	29,94	3,11%
6	Đất công nghiệp	381,79	39,71%
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	75,36	7,84%
8	Đất kho tàng	12,29	1,28%
9	Đất quân sự, quốc phòng	8,10	0,84%
10	Mặt nước	113,04	11,76%
11	Đất nuôi trồng thủy sản	45,76	4,76%
12	Giao thông	153,14	15,93%

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông

Thiết kế quy hoạch giao thông trong khu vực đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng, các khu vực phụ cận, đảm bảo mỹ quan và các tiêu chuẩn ngành; đáp ứng được các nhu cầu vận tải, phù hợp với cấu trúc quy hoạch không gian trong các giai đoạn tiếp theo.

Tổ chức các tuyến đường trong phân khu có quy mô bề rộng trung bình từ 25m - 34m đảm bảo các phương tiện lưu thông thuận tiện, các tuyến đường xây dựng mới đảm bảo quy mô mặt cắt, độ dốc dọc để thoát nước mặt nhanh nhất.

7.2. Cao độ nền xây dựng

Khu vực quy hoạch có vị trí sát Biển Đông nên ảnh hưởng trực tiếp thủy triều của biển; để đảm bảo tránh ngập nước, cao độ nền không chệ tại khu quy hoạch

được tính toán $\geq 3,01\text{m}$, hướng dốc ra biển. Khi thực hiện các dự án và quy hoạch bước sau cần có nghiên cứu khảo sát cụ thể hơn để quyết định cốt cao độ cho mỗi hạng mục.

7.3. Thoát nước mưa và giải pháp đối với vùng đất khai thác mặt nước biển, đê điều

Quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, nước mưa được thu gom và thoát vào các hồ điều hòa của khu vực sau đó thoát ra kênh chính của khu và thoát ra sông Đáy, tại điểm thoát ra bố trí cống điều tiết để ngăn mặn, ứng phó với triều cường, giữ nước ngọt cho hồ điều hòa.

7.4. Cấp nước

Do khu vực quy hoạch gần biển, nước tại các tuyến sông, kênh tại khu quy hoạch đều bị nhiễm mặn nên khả năng sử dụng nước mặt cho sinh hoạt là rất khó. Qua điều tra nguồn nước ngầm trên địa bàn hiện nay cũng có trữ lượng thấp không đảm bảo cho nhu cầu sử dụng của khu vực quy hoạch.

- Nguồn nước: Cấp cho khu quy hoạch dự kiến sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước công suất $50.000\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm theo quy hoạch chung đặt tại Phân khu chức năng đô thị thương mại tổng hợp. Nguồn nước thô cấp cho nhà máy nước dự kiến được lấy từ sông Đáy tại đoạn sông nằm giữa cống Lý Nhân (thuộc xã Nghĩa Sơn) và Tam Tòa (thuộc xã Nghĩa Châu).

- Điểm đầu: Đầu vào đường ống cấp nước D400 và D200 theo quy hoạch chung.

7.5. Cấp điện

- Nguồn điện: Dự kiến lấy từ đường điện 110kV tại phía Đông Bắc khu quy hoạch cấp về trạm biến áp truyền tải 110kV của khu quy hoạch, từ trạm biến áp truyền tải sẽ cấp điện đến trạm biến áp phân phối hạ thế cho các khu đất trong khu vực quy hoạch.

- Xây dựng đường dây 22KV đi ngầm dẫn đến các trạm hạ thế trong khu vực. Cấp điện được đi ngầm trong hào kỹ thuật, theo các tuyến đường giao thông và trên vỉa hè, các trạm hạ thế được bố trí tại các khu vực cây xanh, các vị trí thích hợp và sử dụng loại trạm ki-ốt hoặc trên cột để đảm bảo cảnh quan cho khu vực.

7.6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông

- Quy hoạch xây dựng 1 điểm cung cấp đa dịch vụ (dịch vụ bưu chính, chuyển phát, dịch vụ viễn thông) công cộng có người phục vụ tại khu vực đất dịch vụ hỗn hợp (DO-1).

- Mạng ngoại vi: Ngầm hóa các tuyến mạng ngoại vi dọc theo mương kỹ thuật. Sử dụng chung cơ sở hạ tầng ngầm giữa các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp với các ngành khác: Điện, giao thông, chiếu sáng,... để thuận tiện cho việc quản lý lắp đặt các tủ, hộp cáp viễn thông.

- Mạng thông tin di động: Quy hoạch xây dựng 3 trạm thu phát sóng thông tin di động (trạm thân thiện môi trường, trạm ngụy trang, trạm kéo dài được tích

hợp với hệ thống cột đèn chiếu sáng, cột điện) tại các vị trí cây xanh (CX1, CX5, CX7) và 1 trạm thông tin di động loại công kênh (A2b) tại vị trí CX10 nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ truy cập internet băng rộng di động (4G,5G), phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cố định và cung cấp thông tin khoa học, thương mại, thị trường, giải trí cho người dân trong khu vực.

7.7. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

7.7.1. Quy hoạch thoát nước thải

Thoát nước cho khu quy hoạch được thiết kế theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn. Nước thải được xử lý cục bộ tại mỗi khu đất sau đó sẽ được dẫn về trạm xử lý nước thải chung của khu quy hoạch, trạm có công suất 12.100 m³/ngày. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo theo quy định sẽ được thoát ra kênh.

Hệ thống thoát nước thải CN dùng hệ thống cống tròn bằng nhựa HDPE có đường kính D=300mm đến D=500mm.

7.7.2. Vệ sinh môi trường

- Định hướng sẽ thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt của khu quy hoạch về khu xử lý rác tập trung đã được quy hoạch trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Rạng Đông. Đây cũng là vị trí khu xử lý rác thải sinh hoạt được cụ thể hóa theo quy hoạch khu xử lý chất thải của tỉnh Nam Định.

- Rác thải công nghiệp được đưa về nhà máy xử lý theo quy định đã được quy hoạch trong đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Nam Định đến năm 2030.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

8.1. Mục tiêu

8.1.2. Mục tiêu tổng quát:

- Kiểm soát ô nhiễm các khu vực phát triển; xử lý các cơ sở gây ô nhiễm, xử lý triệt để chất thải rắn, lỏng, khí. Đảm bảo chất lượng không khí trong lành; phục hồi môi trường nước các dòng sông ô nhiễm, cải thiện chất lượng nguồn nước.

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất; giảm thiểu tai biến môi trường, hạn chế thiên tai lũ lụt, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, các thảm thực vật, bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên.

8.1.2 Các chỉ tiêu cụ thể:

- Nước thải KCN đạt QCVN 40/2011/BTNMT;
- Nước mặt đảm bảo QCVN 08-MT:2015/BTNMT;
- Nước ngầm đảm bảo QCVN 09-MT:2015/BTNMT;
- Nước sạch sử dụng đạt QCVN của Bộ y tế (QCVN 01:2019/BYT; QCVN 02:2009/BYT); Không khí: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT, 20:2009/BTNMT).

- Chất thải rắn: 100% tổng lượng chất thải rắn phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 85% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ.

- Hệ sinh thái: Tỷ lệ cây xanh đô thị đạt trên 6m²/người.

- Tai biến môi trường, lũ lụt: Đảm bảo tất cả các đô thị không ngập úng.

8.2. Giải pháp

8.2.1. Giải pháp kỹ thuật: Sử dụng hợp lý tài nguyên đất, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường đất, môi trường nước; bảo vệ môi trường không khí; bảo vệ môi trường biển ven bờ; quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn; bảo tồn đa dạng sinh học; thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường; phân vùng bảo vệ môi trường.

8.2.2. Giải pháp quản lý

- Điều tra cơ bản và triển khai chương trình quan trắc về tài nguyên nước mặt, nước ngầm trong vùng.

- Tăng cường quản lý việc sử dụng phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật trong nuôi trồng thủy sản. Quản lý và kiểm soát các hoạt động khai thác khoáng sản như vùng cát ven biển.

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải tập trung. Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án phát triển trên địa bàn vùng.

- Khuyến khích áp dụng các sáng kiến về công nghệ mới, sản xuất sạch hơn. Nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng tham gia giữ gìn vệ sinh.

9. Các chương trình phát triển và danh mục ưu tiên đầu tư

9.1. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2022

Đây là giai đoạn tập trung vào các công tác lập quy hoạch, thu hút đầu tư, tổ chức lập dự án, thiết kế bản vẽ thi công. Giai đoạn này cũng sẽ thực hiện đầu tư một số công trình hạ tầng thiết yếu như giao thông, cấp điện, cấp nước,...

9.2. Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025

Đầu tư theo chương trình xây dựng và phát triển trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản như giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước. Triển khai các dự án đầu tư được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

9.3. Giai đoạn từ năm 2025

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước,... Hoàn thiện đầu tư các dự án và đưa vào sử dụng.

Kiến nghị huy động nguồn lực thực hiện: Theo cơ chế nhà nước và nhân dân cùng thực hiện. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách, vốn tư nhân, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực chức năng công nghiệp, đô thị, dịch vụ, du lịch sinh thái Cửa Đáy " kèm theo Đồ án này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND huyện Nghĩa Hưng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch được duyệt theo quy định.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Lan Anh